

Bản án số: 24/2019/HS-ST
Ngày: 30/9/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC - TỈNH HOÀ BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

1. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Đình Dũng**;
2. Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Bùi Thị Liên**; Ông **Bùi Văn Lữ**
3. Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng**, Thư ký TAND huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.
4. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Ông **Đinh Mạnh Cơ**, Kiểm sát viên

Ngày 30/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 24/2019/HSST ngày 05/9/2019 đối với bị cáo:

PHẠM VĂN H (*Tên gọi khác: Trần Ngọc H*), sinh năm 1977, tại huyện Đ, tỉnh Ph. Nơi ĐKKHKT và cư trú: Đội X, xã T, huyện Đ, tỉnh Ph. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Văn hóa: 04/12. Họ tên bố: Phạm văn N; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị T; Có vợ: Phan Thị Á, sinh năm, 1985 và có 02 con lớn sinh năm 2010 và nhỏ sinh năm 2013;

Tiền án: Tháng 9/2004 bị Tòa án nhân dân thị xã T xử phạt 52 tháng tù về tội “*Lưu hành tiền giả*”. (Tính đến thời điểm phạm tội năm 2013, bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt bổ sung). Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/5/2019; Hiện tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Hòa Bình. Được trích xuất, dẫn giải, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 7 năm 2013, Phạm Văn H có hành vi mua 76.100.000đ (*Bảy mươi sáu triệu một trăm ngàn đồng*) tiền giả mang về cho đồng phạm đi tiêu thụ vào ngày 24/8/2013 bị bắt quả tang tại khu vực xã Phú Cường, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

Cụ thể:

Khoảng tháng 7 năm 2013, Phạm Văn H làm thuê tại khu vực Hang Dơi, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Tại đây, H có quen một người đàn ông Trung Quốc tên là AL. Quá trình tiếp xúc, AL hỏi H có muốn mua tiền giả, tỷ lệ: 1/7 tức 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) tiền thật đổi được 7.000.000 đ(*Bảy triệu đồng*) tiền giả. H trả lời “ *Đề*

suy nghĩ” và hai bên trao đổi số điện thoại. Đến giữa tháng 8, H gọi điện cho A L đặt vấn đề mua 70.000.000 đ(*Bảy mươi triệu đồng*) tiền giả. Hai ngày sau, khi thu xếp được số tiền giả như H yêu cầu, A L hẹn H ra đường tiểu ngạch Hang Dơi, khu vực cửa khẩu Tân Thanh thuộc huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn để nhận tiền giả. H đi bộ một mình ra nơi hẹn, tại đây, A L đưa cho H một túi nilon màu đen, bên trong có chứa tiền giả, A L nói “ *Cho thêm mấy triệu tiền giả nữa*”. H mở túi thấy tiền giả loại polyme mệnh giá 100.000đ(*Một trăm ngàn đồng*) nhưng không đếm và bọc lại rồi trả cho A L 10.000.000đ(*Mười triệu đồng*) tiền thật. Sau khi mua bán xong, A L đi đâu làm gì H không biết, còn H đi về nhà tại đội X, xã T, huyện Đ, tỉnh Ph cất số tiền giả đã mua dưới mái chuồng lợn của nhà mình.

Ngày 18/8/2013, H gọi điện thoại cho bạn là Lò Văn T, sinh năm 1985, trú tại Bản L, xã Th, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái. Hai người trao đổi, bàn bạc, hẹn ngày 21/8/2013 T đến nhà H lấy tiền giả đi tiêu thụ. Tiếp đó, H điện thoại cho Trần Phương H1, sinh năm 1984, trú tại khu A, xã Y, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ mời đến nhà ăn cơm nhằm rủ H1 chở T đi tiêu thụ tiền giả nhưng không nói rõ và H1 đồng ý.

Khoảng 16 h 00, ngày 21/8/2013, H đón T ở ngã ba xã M, huyện Đ, tỉnh Ph đưa về nhà chị dâu của H ăn cơm, một lúc sau H1 đi xe moto đến. Cả ba bàn bạc: T thông thuộc địa bàn huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, nên để T mang tiền giả lên đó bán cho người dân tộc Mông. Sau khi ăn cơm xong, cả ba về nhà H uống nước, H nói với H1: “*Nếu mai không bận thì chở T lên Mộc Châu bán tiền giả cho bọn Mèo*” và hứa trả công cho H1 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*). H1 đồng ý, sau đó đi về nhà, T ngủ lại nhà H.

Khoảng 8h 00 ngày 22/8/2013, H1 điều khiển xe moto BKS 19KX-xxxx đến nhà H, sau khi ăn trưa xong, H nói với T “*Tiền giả có hơn 70.000.00đ, loại tiền 100.000đ, khi đi bán tỷ lệ tiêu tiền giả 30 đến 40 cũng được*”. Nghĩa là 30.000đ đến 40.000đ tiền thật, đổi được 100.000đ tiền giả. Nói rồi H ra sau nhà lấy bọc tiền giả, bảo H1 cho vào cốp xe những H1 không đồng ý nên H cầm bọc tiền giả cho vào balo của T. H giao cho H1 xe moto BKS 21Vx-xxxx cùng giấy bảo hiểm xe mang tên Lương Thị T và đưa cho H1 600.000đ (*Sáu trăm ngàn đồng*) tiền thật để mua xăng. H nói với H1 chỉ có trách nhiệm chở T lên Mộc Châu, việc tiêu thụ tiền giả do T thực hiện. Khoảng 18 giờ cùng ngày, T và H1 đến thị trấn Mộc Châu, tỉnh Sơn La, H1 thuê nhà nghỉ còn T cầm balo đến Trung tâm chợ Chiềng Ve, Mộc Châu, T thuê nhà nghỉ ở đây để sáng hôm sau sẽ đi tiêu thụ tiền giả.

Đến sáng ngày 23/8/2013, T lấy 3.000.000đ(*Ba triệu đồng*) tiền giả ra khỏi balo, giấu vào túi áo, túi quần trên người, đi vào chợ, gặp 03 người dân tộc Mông (Không biết tên tuổi địa chỉ). T đưa mỗi người xem một tờ tiền giả mệnh giá 100.000đ(*Một trăm ngàn đồng*) và nói tỷ lệ đổi tiền thật như H đã dặn. 03 người dân tộc Mông thấy màu sắc tờ tiền giả không rõ nét nên nói hiện cũng chưa có tiền thật để đổi. T cứ đưa mỗi người 01 tờ tiêu thử, nếu tiêu được sẽ quay lại tìm sau. Rồi T ngồi ở quán giả uống nước để quan sát nhằm mục đích tìm người tiêu tiền giả nhưng không được. Sau đó, T điện thoại báo cho H là tiền xấu không tiêu được. H bảo T đem tiền giả quay về cho H.

Khoảng 21h 00, ngày 23/8/2013, T điện thoại báo H1 đón đi về. Khoảng 02h 00 ngày 24/8/2013, H1 đèo T đi đến Km 115+750 Quốc Lộ 6 thuộc địa phận xã Phú Cường, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình thì phát hiện thấy phía trước có Cảnh sát giao thông, do không đội mũ bảo hiểm nên H1 quay xe bỏ chạy. Được 1 đoạn thì H1 dừng xe đội mũ bảo hiểm và đưa balo tiền giả cho T. T liền vứt balo xuống lề đường thì bị cơ quan công an đuổi theo phát hiện, bắt giữ. Quá trình kiểm tra phát hiện trong ví cá nhân của T có 2.700.000đ (*Hai triệu bảy trăm ngàn đồng*) tiền mệnh giá 100.000đ (*Một trăm ngàn đồng*), nhiều tờ có số sê ri trùng nhau và 01 tờ mệnh giá 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*), kiểm tra trong balo phát hiện 73.400.000đ (*Bảy mươi ba triệu bốn trăm ngàn đồng*) tiền mệnh giá 100.000đ (*Một trăm ngàn đồng*), có nhiều tờ số sê ri trùng nhau. Nghi là tiền giả nên cơ quan Công an đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ, niêm phong toàn bộ tang vật nói trên. Sau khi T và H1 bị bắt, H đã vứt bỏ toàn bộ điện thoại và sim đã liên lạc với đồng bọn rồi bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 08/5/2019, Phạm Văn H bị bắt theo quyết định truy nã.

Tại Thông báo số 425/TB-HBI của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, chi nhánh tỉnh Hòa Bình thông báo kết quả giám định, xác định trong số 762 (*Bảy trăm sáu mươi hai*) tờ tiền gửi giám định có 761 (*Bảy trăm sáu mươi một*) tờ tiền mệnh giá 100.000đ = 76.100.000đ (*Bảy mươi sáu triệu một trăm ngàn đồng*) không phải tiền do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành; 01 tờ tiền mệnh giá 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) là tiền thật do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành.

Trong quá trình điều tra, Phạm Văn H thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đối với T và H1, Ngày 21/01/2014, Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình đã xét xử tuyên phạt T 05 năm tù, H1 03 năm tù về tội “ *Vận chuyển, lưu hành tiền giả*”.

Số tiền giả, các tang vật khác và xe moto cùng các giấy tờ là tang vật trong vụ án đã được xử lý trong vụ án trước, không xem xét trong vụ án này.

Về vật chứng: Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Hòa Bình đã thu giữ của Phạm Văn H: Một điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9 màu xanh-đen, bên trong có lắp 02 sim điện thoại số 0972147388 và 0866975826; một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37F bên trong có lắp 02 sim điện thoại số 0328652413 và số 0971355506.

Cáo trạng số 40/CT-VK-P1L, ngày 04/9/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình truy tố Phạm Văn H về tội “Lưu hành tiền giả” theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện Viện kiểm sát huyện Tân Lạc sau khi xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; cân nhắc các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đã đề nghị Tòa: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H (Túc Trần Ngọc H) phạm tội “*Lưu hành tiền giả*”. Áp dụng khoản 2 điều 180 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1- khoản 2 điều 51; Điểm h khoản 1 điều 52 BLHS 2015 xử phạt: Phạm Văn H (Túc Trần Ngọc H) tù 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù; thời hạn thụ hình tính từ ngày bắt

tạm giữ, tạm giam. Áp dụng điều 46, 47 BLHS và điều 106 BLTTHS: Xử lý tang vật: Trả lại 02 điện thoại cho bị cáo theo quy định của pháp luật và đề nghị không áp dụng hình phạt phụ với bị cáo.

Bị cáo nhất trí với quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra; kết quả tranh luận tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Quá trình điều tra, truy tố. Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đã áp dụng đúng quy định của pháp luật Tố tụng Hình sự, pháp luật Hình sự để giải quyết vụ việc. Bị cáo không có khiếu nại, tố cáo gì về hành vi tố tụng của các cơ quan này.

Hội đồng xét xử đánh giá chứng cứ như sau:

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn H có lời khai phù hợp với nội dung đã khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của các bị cáo đã bị bắt và xét xử trước, phù hợp lời khai của những người làm chứng cùng các chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ.

Bị cáo Phạm Văn H (Tức Trần Ngọc H) có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhưng với mục đích kiếm lợi bất chính mà cố tình thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi của bị cáo xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; xâm phạm trật tự an toàn xã hội gây mất ổn định trong kinh doanh tiền tệ ngân hàng; làm mất niềm tin của người dân vào việc quản lý xã hội của nhà nước; làm mất ổn định chính trị tại địa phương gây tâm lý hoang mang không yên tâm làm ăn, giao dịch buôn bán cho nền kinh tế. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Ngoài ra bị cáo có tiền án chưa được xóa án tích nên phải xem đây là tình tiết tăng nặng “Tái phạm”. Do đó phải xử lý nghiêm bằng cách: Cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giúp bị cáo nhìn nhận rõ sai phạm mà tu dưỡng cải tạo thành người tốt có ích cho gia đình, xã hội và nhằm đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi lượng hình, HĐXX cũng xem xét bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; Bố của bị cáo có công với cách mạng, được UBND tỉnh Phú Thọ truy tặng bằng khen kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Hoàn cảnh gia đình và điều kiện kinh tế của bị cáo khó khăn nên xem xét đề giảm nhẹ phần nào mức án cho bị cáo và thấy không cần áp dụng hình phạt phụ với bị cáo là có căn cứ.

Về tang vật vụ án:

Hai chiếc điện thoại đã thu giữ của bị cáo gồm: Một điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9 màu xanh-đen, bên trong có lắp 02 sim điện thoại số 0972147388 và 0866975826; một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37F bên trong có lắp 02 sim điện thoại số 0328652413 và số 0971355506 - Hiện được bàn giao theo biên bản

giao nhận vật chứng số 026 ngày 06/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Xét thấy: Những chiếc điện thoại này được sản xuất năm 2018 mà bị cáo phạm tội năm 2013 nên không liên quan đến vụ án, cần tuyên trả bị cáo là có căn cứ.

Về án phí: Bị cáo Phạm Văn H (Túc Trần Ngọc H) phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn H (Túc Trần Ngọc H) phạm tội “Lưu hành tiền giả”.

2. Áp dụng khoản 2 điều 180 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1-khoản 2 điều 51; Điểm h khoản 1 điều 52 BLHS 2015 xử phạt: Phạm Văn H (Túc Trần Ngọc H) 05 năm 06 tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam: 08/5/2019. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2/ Áp dụng điều 46, Khoản 2 điều 47 Bộ luật hình sự 2015; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự,

- Tuyên trả 02 chiếc điện thoại đã thu giữ của bị cáo gồm: Một điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9 màu xanh-đen, bên trong có lắp 02 sim điện thoại số 0972147388 và 0866975826; một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37F bên trong có lắp 02 sim điện thoại số 0328652413 và số 0971355506 được bàn giao theo biên bản giao nhận vật chứng số 026 ngày 06/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

3/ Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 33 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo phải chịu 200.000đ(Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án: Bị cáo được quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Hòa Bình để xin xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Tân Lạc;
- Chi Cục THADS huyện Tân Lạc;
- Công an tỉnh Hòa Bình;
- Bị cáo
- CA, UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Lưu HSVA + HSTHAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Đình Dũng

